

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ VÀ SỰ KIỆN 2H MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ VÀ SỰ KIỆN 2H MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 2H MEDIA ENTERTAINMENT AND EVENTS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110490484

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ngọc Than, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911 572 312

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                          | 4652     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                             | 8230     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá, báo chí và các hoạt động nhà nước cấm) | 8299     |
| 4.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                          | 6311     |
| 5.  | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                   | 6312     |
| 6.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                  | 6810     |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật)                                                | 6820     |
| 8.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                 | 7213     |
| 9.  | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                             | 7310     |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                       | 7320     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Thiết kế đồ họa, biển quảng cáo<br>Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 12. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7420        |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931        |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                | 4932        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510        |
| 17. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5590        |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610        |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5621        |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5629        |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường,...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5630        |
| 22. | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820        |
| 23. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh; - Hoạt động sản xuất phim video; - Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (+Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh +Trừ hoạt động báo chí | 5911(Chính) |
| 24. | Hoạt động hậu kỳ<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).                                                                                                                                                                                                                                           | 5912        |
| 25. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5913        |
| 26. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5914        |
| 27. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5920        |

|     |                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động phát thanh<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                 | 6010 |
| 29. | Hoạt động truyền hình<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                | 6021 |
| 30. | Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                          | 6022 |
| 31. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành                                                                            | 7911 |
| 32. | Điều hành tua du lịch                                                                                                     | 7912 |
| 33. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá<br>và tổ chức tua du lịch<br>(Không bao gồm tổ chức hợp báo) | 7990 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                    | 3314 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)                                  | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TẠ THỊ DUNG | Xóm Ngánh, Xã<br>Ngọc Mỹ, Huyện<br>Quốc Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 30,000       | 0011830086<br>94                                                                                                       |            |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |             |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                            |                           |        |             |        |              |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | PHẠM VĂN HÒA | Số 6, ngách 108, ngõ 192 Đường Tam Trinh, Tổ 12, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 | 030073006910 |
|   |              |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 40,000 |              |
|   |              |                                                                                                            |                           |        |             |        |              |
| 3 | ĐỖ THANH HẢI | Thôn Ngọc Than, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 001081031525 |
|   |              |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                            | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |              |
|   |              |                                                                                                            |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/04/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030073006910

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6, ngách 108, ngõ 192 Đường Tam Trinh, Tổ 12, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6, ngách 108, ngõ 192 Đường Tam Trinh, Tổ 12, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội